

MIỀN ĐÔNG NAM BỘ – BẢY MƯƠI NĂM TỪ "GIAN LAO MÀ ANH DŨNG" ĐẾN HÀNH TRÌNH THÀNH ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM (1945 - 2015)

Nguyễn Văn Hiệp

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã làm thay đổi toàn bộ diện mạo vùng đất Đông Nam Bộ. Bắt đầu từ khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám 1945, nhân dân yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, trực tiếp là Đảng bộ các tỉnh Đông Nam Bộ, đã làm chuyển biến tất cả, từ đời sống chính trị – xã hội đến đời sống kinh tế – văn hóa, từ thân phận nô lệ phụ thuộc trở thành người làm chủ, từng bước xây dựng, phát triển, giữ gìn, bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng trên chính quê hương của mình, từ địa bàn “gian lao mà anh dũng” trong kháng chiến cứu nước, thành một trong những nơi giữ vai trò động lực phát triển của cả vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Từ khóa: miền Đông Nam Bộ, kháng chiến, xây dựng, kinh tế, trọng điểm

Đông Nam Bộ ngày nay có diện tích tự nhiên 21.495,2km², dân số 7.641.400 người gồm 5 tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu¹. Thuở ban đầu khi mở đất phương Nam, địa bàn Đông Nam Bộ gồm toàn bộ phần đất của dinh Trấn Biên trải rộng từ Bà Rịa đến sông Vàm Cỏ Đông và kéo dài lên biên giới Tây Nam. Cho đến năm 1836, với cải cách hành chính của Minh Mạng hình thành lục tỉnh, Miền Đông Nam Bộ có địa giới trọn trong 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa. Thực dân Pháp xâm lược và cai trị thuộc địa Nam Kỳ đã sắp xếp lại hành chính, miền Đông Nam Bộ có 5 tiểu khu: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Gia Định, Tây Ninh; sau đó (năm 1890) chuyển thành 5 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Gia Định², Tây Ninh.

Nền hành chính này cho đến trước tháng Tám 1945 không nhiều thay đổi.

1. Bắt đầu từ khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám 1945

Chiến tranh thế giới lần thứ II đi vào kết thúc, thời cơ cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đến gần, cả nước sôi sục khí thế cách mạng. Ngày 13/8 lệnh tổng khởi nghĩa ban ra; ngày 19/8 khởi nghĩa thành công ở Hà Nội; ngày 23/8 khởi nghĩa thành công ở Huế... Bão táp cách mạng mùa Thu đã nổi lên quật đổ nền cai trị thực dân, phát xít và tay sai; ở Nam Bộ, theo chủ trương của Xứ ủy, ngày 23/8 khởi nghĩa thí điểm đã nổ ra thành công ở Tân An, mở ra cao trào tổng khởi nghĩa trong toàn xứ.

Trên khắp các tỉnh Đông Nam Bộ, trong các ngày từ 24 đến 28/8 khởi nghĩa liên tiếp nổ ra như những vàng cỏ cháy lan nhanh, thiêu rụi chính quyền phát xít và tay sai, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

1. Tổng Cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2014 (tóm tắt)*, NXB Thống kê 2014, trang 19.
2. Với đại thắng mùa xuân 1975, Gia Định sáp nhập vào Sài Gòn trở thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Ở Tây Ninh, sáng sớm ngày 25/8 Ban cán sự Đảng tổ chức cuộc mít tinh lớn để Việt Minh ra hoạt động công khai và kêu gọi quần chúng đoàn kết, đứng lên khởi nghĩa. Quần chúng hô vang khẩu hiệu "Ủng hộ Việt Minh", "Việt Nam độc lập muôn năm"; sau đó lực lượng khởi nghĩa chia đi các nơi, lôi cuốn đông đảo quần chúng các địa phương giành chính quyền; ngay trong đêm 25/8 chính quyền cách mạng ở Tây Ninh được thành lập¹.

Ở Thủ Dầu Một, đêm 24 rạng ngày 25/8/1945, lực lượng khởi nghĩa có mặt tại trung tâm tỉnh lỵ lên đến khoảng 6-7 vạn người; cuộc mít tinh lớn được tổ chức trọng thể trước Toà thị chính (làng Phú Cường); Trưởng ban khởi nghĩa Văn Công Khai đọc diễn văn tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ của quân phiệt Nhật Bản và tay sai, lập nên chính quyền cách mạng; lực lượng khởi nghĩa toà đi tiếp quản các cơ quan hành chính, toà án, trụ sở cảnh sát, trại giam, kho bạc, bưu điện, nhà máy điện, nhà máy nước...².

Ở Long Khánh - Bà Rịa - Vũng Tàu, các Ủy ban khởi nghĩa địa phương được thành lập và phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Tại Bà Rịa sáng 25/8 hàng ngàn người tập trung tại khu chợ, nghe Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng; sau đó Thanh niên Tiền phong dẫn đầu đoàn tuần hành tỏa về các các địa phương giành chính quyền. Tại Vũng Tàu, đến ngày 28/8 chính quyền tay sai phải đầu hàng trước khí thế của phong trào nhân dân khởi nghĩa³.

Ở Đồng Nai, từ ngày 24/8, cờ đỏ sao vàng, cờ đỏ búa liềm của Việt Minh và cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền Phong được treo trên hăng của BIF, Nhà ga, Bưu điện; truyền đơn kêu gọi khởi nghĩa được phân phát cho các tầng lớp nhân dân. Sáng 25/8, lực lượng cách mạng đã kiểm soát các cơ quan công sở trong thị xã Biên Hòa như Toà án, Kho bạc, Trại giam Biên Hòa, căn cứ lính bảo an tỉnh. Đến ngày 28/8, chính quyền cách mạng cũng được thành lập tại Đồng Nai Thượng⁴.

Trong hơn 1 ngày từ 24 đến 25/8, cùng với Sài Gòn và các nơi khác, các tỉnh Đông Nam Kỳ đồng loạt nổ ra khởi nghĩa và thành công trên nhiều tỉnh, thành; một số nơi kết thúc khởi nghĩa muộn như Vũng Tàu, Đồng Nai Thượng (ngày 28/8) do điều kiện khó khăn đặc biệt, nhưng cuối cùng cũng hoàn thành mục tiêu lật đổ toàn bộ hệ thống chính quyền địch ở tất cả các địa phương, thiết lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân. Tổng khởi nghĩa ở các tỉnh miền Đông đã thành công đồng thời với toàn xứ Nam kỳ và cả 3 xứ Việt Nam; đã cùng cả nước đưa nhân dân lên làm chủ vận mệnh của mình, đưa Đảng lên cầm quyền, mở ra thời kỳ mới, độc lập tự do cho dân tộc.

Đó là biến cố lịch sử lớn lao của đất nước chấm dứt thời kỳ lịch sử cận đại đầy bi thương, mở ra thời kỳ lịch sử hiện đại hào hùng. Từ đó cả Việt Nam “Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”, trong đó mỗi địa bàn khu vực như miền Đông Nam bộ đều bước vào thời kỳ chuyển biến mới với nhiều thăng trầm thử thách, nhưng có nhiều thuận lợi để phát triển, làm thành những đặc trưng cơ bản của lịch sử truyền thống trong thời đại Hồ Chí Minh.

1. Ban Tổng kết chiến tranh Tây Ninh, *Lược sử Tây Ninh*, Tỉnh ủy Tây Ninh, 1986.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương, tập 1 (1930 - 1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, 2003.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tập 1 (1930 - 1954)*, NXB Chính trị quốc gia, 2000.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, tập 1 (1930 - 1954)*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 1997.

2. Đông Nam Bộ 30 năm “gian lao mà anh dũng” (1945-1975)

Nền độc lập chưa đầy tháng, thì ngày 23/9 tiếng súng chống xâm lược từ Sài Gòn loang nhanh ra toàn Nam bộ. Từ tháng 10/1945, quân xâm lược Pháp phá vòng vây ở Sài Gòn và lần lượt chiếm đóng các tỉnh¹. Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến gian khổ suốt 30 năm, mỗi địa phương ở Đông Nam Bộ đã trở thành chiến trường nóng bỏng.

Trong 9 năm kháng chiến trường kỳ (1945 - 1954), là địa bàn liên kề với Sài Gòn – sào huyệt chiến tranh của thực dân Pháp, các tỉnh miền Đông Nam Bộ luôn tồn tại căn cứ, chiến khu làm bàn đạp cho các lực lượng kháng chiến, tạo ra thế áp sát đối với sào huyệt địch: Thủ Dầu Một có các căn cứ Thuận An Hòa, Long Nguyên, An Thành, Định Thành; Bà Rịa Vũng Tàu có các căn cứ Long Mỹ, Minh Đạm, Xuyên Phước Cơ, Bà Trao, Phú Mỹ; Tây Ninh có các căn cứ An Tịnh, Bời Lời, Rừng Nhum; Biên Hòa có các căn cứ Bình Đa (Châu Thành), Phước Can (Long Thành), Hố Cạn (Tân Phong); đặc biệt là Chiến khu Đ ở Tân Uyên (Biên Hòa) là căn cứ lớn nhất miền Đông Nam Bộ².

Các tỉnh Đông Nam Bộ cũng là nơi sớm hình thành lực lượng vũ trang cách mạng và hoạt động quân sự làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng cách mạng củng cố, đẩy mạnh phong trào kháng chiến. Các đơn vị vũ trang như Chi đội 1 (Thủ Dầu

Một), Chi đội 10 (Biên Hòa), Chi đội 11 (Tây Ninh), Chi đội 16 (Bà Rịa) được thành lập ngay từ đầu cuộc kháng chiến, trở thành lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang Quân khu 7.

Lực lượng vũ trang cách mạng kết hợp du kích và quần chúng tổ chức nhiều trận đánh vang dội, có ý nghĩa to lớn với cả chiến trường Nam Bộ và cả nước. Biên Hòa nổi tiếng với các trận đánh: giao thông Đồng Xoài (tháng 7/1947), phục kích La Ngà (3/1948), diệt bót Long Điền (6/1951), đánh diệt yếu khu Trảng Bom (7/1951)³. Ở Thủ Dầu Một, Chi đội 1 dùng mưu trí đánh tiêu diệt "chiến khu Quốc gia" của Chính phủ bù nhìn Nam Kỳ tự trị tại khu vòng cung Bình Quới Tây (tháng 12/1947), bộ đội Tân Uyên dùng lối đánh mới để tiêu diệt tháp canh Cầu Bà Kiền (tháng 3/1948), chiến dịch Bến Cát (tháng 11/1950) tấn công hàng loạt tháp canh, đồn bót ở chi khu Bến Cát giành thắng lợi lớn⁴.

Trong 21 năm kháng chiến tiếp theo (1954 - 1975), miền Đông Nam Bộ vẫn là nơi đối đầu trực tiếp giữa lực lượng cách mạng ở căn cứ cách mạng với quân xâm lược Mỹ và tay sai có tiềm lực quân sự lớn, trang thiết bị, phương tiện chiến tranh hiện đại, có Sài Gòn là Đô thành sào huyệt.

Vượt qua khó khăn thời kỳ chống Tổ cộng diệt cộng để giữ gìn lực lượng cách mạng, từ tháng 7/1959, tiếng súng tấn công vào đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG ở Biên Hòa như phát pháo lệnh cho phong trào tiền đồng khởi; tiếp đó là chiến thắng

1. Ngày 23/10/1945, quân Pháp chiếm tỉnh lỵ Thủ Dầu Một, ngày 24/10/1945, quân Pháp chiếm thị xã Biên Hòa, tháng 10/1945, Pháp chiếm Bà Rịa Vũng Tàu, tháng 11/1945 Pháp chiếm thị xã Tây Ninh.

2. Lâm Chung Hiếu (chủ biên), *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, 2003.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, tập 1 (1930 - 1954)*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 1997.

4. Hà Minh Hồng, *Bình Dương trong kháng chiến chống Pháp xâm lược - Những sự kiện lịch sử quan trọng*, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 3/2012.

Tua Hai ở Tây Ninh (tháng 1/1960) mở đầu cho phong trào đồng khởi ở Đông Nam Bộ.

Khi Mỹ tiến hành chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Đông Nam Bộ là nơi hình thành Trung ương Cục miền Nam. Tháng 10/1961, Trung ương Cục họp phiên đầu tiên ở căn cứ Mã Đà (Trị An - Biên Hòa) đề ra đường lối chiến lược chỉ đạo cách mạng miền Nam. Chiến thắng Phước Thành (tháng 8/1961) là lần đầu tiên quân giải phóng đánh chiếm một tỉnh lỵ của địch, làm phá sản kế hoạch bao vây chia cắt chiến khu Đ, mở rộng căn cứ địa miền Đông Nam Bộ. Bến cảng An Lộc (Bà Rịa) được bí mật tiếp cận vũ khí từ miền Bắc chuyển vào qua những con tàu "không số" để tổ chức trận pháo kích đầu tiên vào sân bay quân sự Biên Hòa (tháng 10/1964). Các chiến dịch Bình Giã (12/1964), Đồng Xoài - Phước Long (5/1965) là những chiến dịch mở ra khả năng đánh bại hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Từ năm 1965, khi Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh cục bộ, miền Đông Nam Bộ là một trong những chiến trường "tìm diệt" của Mỹ - nguy - chur hầu, nhưng là nơi mở màn cho các trận đánh trực tiếp với quân xâm lược Mỹ. Trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, miền Đông Nam Bộ là chiến trường đánh bại nhiều cuộc càn quy mô lớn của quân Mỹ, trong đó cuộc càn Johnson City là cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam; chúng đã bị quân dân ở miền Đông Nam Bộ từng bước làm phá sản ý đồ tấn công "tìm và diệt" vào căn cứ cách mạng.

Từ sau Tổng tấn công Mậu Thân 1968, quân dân miền Đông Nam Bộ tiếp tục chống chiến lược chiến tranh Việt Nam hóa, cả trước và sau Hiệp định Paris 1973, nhiều chiến công đánh địch đã diễn ra trên chiến trường quan trọng này. Nhất là trong

và sau chiến dịch Nguyễn Huệ (1972), vùng giải phóng ngày càng mở rộng, căn cứ địa liên hoàn ngày càng vững chắc, Đông Nam Bộ trở thành "thủ đô" của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, là căn cứ của Quân ủy và Bộ tư lệnh quân giải phóng miền Nam. Mùa khô 1974 - 1975, miền Đông Nam Bộ là nơi diễn ra sự kiện lần đầu tiên giải phóng một tỉnh ở miền Nam (tỉnh Phước Long), góp phần to lớn để Trung ương đề ra chủ trương chiến lược giải phóng miền Nam.

Ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975), các tỉnh Đông Nam Bộ là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, toát lên những nét riêng của mảnh đất "gian lao mà anh dũng". Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương luôn luôn là căn cứ địa của Trung ương Cục miền Nam, nhất là giai đoạn cuối kết thúc chiến tranh, nơi đặt Chỉ huy sở Chiến dịch Hồ Chí Minh, nơi phát lệnh tiến công trận cuối cùng trong 30 năm kháng chiến... Đó là truyền thống quý báu, là hành trang quan trọng để các thế hệ hôm nay giữ gìn và phát huy trong sự nghiệp xây dựng, phát triển quê hương đất nước.

3. Đông Nam Bộ 30 năm xây dựng, chuyển biến từ "vành đai trắng" đến "vành đai xanh", đi đầu trong đầu tư phát triển thành một động lực tăng trưởng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (1975-2015)

Sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cũng như nhiều địa phương của miền Nam, các tỉnh Đông Nam Bộ bước vào thời kỳ mới với nhiều khó khăn, thách thức.

Trong 30 năm chiến tranh, Đông Nam Bộ là "vành đai trắng" của chiến trường khốc liệt: Phần lớn diện tích đất sản xuất bị bỏ hoang, bom mìn dày đặc; chính sách đô thị hóa cưỡng bức trong chiến tranh làm phân bố

cơ cấu dân số bất hợp lý, nạn thất nghiệp tràn lan, lương thực, thực phẩm, vật tư nguyên liệu để sản xuất thiếu thốn trầm trọng...

Sau hơn một năm hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ, chính quyền các cấp ở các tỉnh Đông Nam Bộ bắt tay lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976) và lần thứ V (1982). Các tỉnh Đông Nam Bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông, lâm ngư nghiệp, khai thác nguồn lợi hải sản, từng bước phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải, cải tiến phân phối lưu thông, chăm lo giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, song song với việc thường xuyên củng cố quốc phòng, an ninh, tham gia bảo vệ tuyến biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia.

Trong 10 năm (1976-1986), dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương, nhân dân Đông Nam Bộ đã phát huy truyền thống tự lực, tự cường, đạt nhiều thành tích quan trọng cả trong sản xuất, chiến đấu và làm nghĩa vụ quốc tế. Trên mặt trận sản xuất, nhân dân miền Đông Nam Bộ đã chuyển sức mạnh của miền Đông "gian lao mà anh dũng" trong kháng chiến vào việc cải tạo ruộng đất, biến "vành đai trắng" thành "vành đai xanh". Với nhiều nỗ lực của nhân dân, mặc dù quỹ đất có hạn nhưng sản lượng lương thực ở Đông Nam Bộ liên tục tăng lên năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản lượng lương thực (quy ra thóc) ở Đông Nam Bộ năm 1986 là 1,121 triệu tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 235kg/người/năm; trong điều kiện khó khăn về vật tư, kỹ thuật, thủy lợi, nhưng năng suất canh tác ở Đông Nam Bộ hàng năm vẫn tăng lên.

Song song với việc phát triển lương thực phục vụ đời sống, Đông Nam Bộ còn

trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất của cả nước với các loại cây chủ lực gồm: cao su, hồ tiêu, đậu tương, thuốc lá... Đến năm 1985, Đông Nam Bộ có trên 60.000 ha cao su, chiếm tỷ lệ 30% diện tích cao su cả nước; hầu hết các nông trường cao su lớn của Tổng Cục Cao su Việt Nam đều ở Đông Nam Bộ như Phú Riềng, Đất Đỏ, Đồng Nai, Tây Ninh, Dầu Tiếng, Phước Hòa... Sông Bé và Đồng Nai là 2 tỉnh có diện tích cao su lớn nhất cả nước. Cây hồ tiêu ở Đông Nam Bộ năm 1985 có 435ha đang thu hoạch, trong đó Sông Bé, Đồng Nai, Tây Ninh là 3 tỉnh có diện tích và năng suất hồ tiêu lớn nhất. Các tỉnh Đông Nam bộ là địa bàn trồng, sản xuất cà phê lớn thứ hai (sau Tây Nguyên). Năm 1985 Đông Nam Bộ có trên 4.000 ha với sản lượng 5,4 ngàn tấn quả tươi. Ngoài ra Đông Nam Bộ cũng là nơi chuyên canh các loại cây công nghiệp: bông, lạc (đậu phộng), thuốc lá, mía, đậu tương...

Từ năm 1986, các tỉnh Đông Nam Bộ cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới, thực hiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong 5 năm (1986 - 1990), công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng: Kinh tế tăng trưởng tốt, GDP tăng bình quân trên 7,9%/năm trong khi GDP trung bình của cả nước thời kỳ này là 4,4%. Các tỉnh Đông Nam Bộ thực hiện tốt ba chương trình kinh tế lớn (lương thực, thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu). Sản xuất phục hồi. Lạm phát được kiềm chế. Tất cả đã chuyển từ cơ chế quản lý tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) các tỉnh Đông Nam Bộ chủ trương phát triển địa phương giàu mạnh; tuy còn nhiều khó khăn, thử

thách, nhưng cũng có nhiều vận hội mới, thời cơ mới với tốc độ phát triển nhanh về kinh tế và những chuyển biến tích cực về văn hóa xã hội. Số liệu thống kê cho thấy, GDP của Đông Nam Bộ năm 1991 đạt 21.558 tỷ đồng, chiếm 28,1%; năm 1992 đạt 33.245 tỷ đồng, chiếm 30,1%; năm 1993 đạt 42.430 tỷ đồng, chiếm 31,1%; năm 1994 đạt 52.999 tỷ đồng, chiếm 31,1%; năm 1995 đạt 58.691 tỷ đồng, chiếm 28,78%. Như vậy trong 5 năm, GDP của Đông Nam Bộ tăng bình quân trên 11%. Tốc độ tăng GDP của Đông Nam Bộ không chỉ cao hơn tốc độ tăng bình quân của cả nước mà còn cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của các vùng khác¹. Con số thống kê tuy chưa phản ánh hết tình hình tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn cho phép nhận thấy tầm vóc quan trọng của Đông Nam Bộ trong cơ cấu kinh tế của cả nước, hàng năm đã tạo ra trên 30% tổng sản phẩm trong nước với tốc độ vượt trội.

Không chỉ tăng trưởng nhanh, Đông Nam Bộ còn là địa bàn có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 (thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, tháng 6/1991), các tỉnh Đông Nam Bộ nỗ lực phát triển công nghiệp với những bước đi ban đầu táo bạo. Vùng tam giác tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu hình thành với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân mỗi năm 15%, gần gấp 2 lần so với tốc độ tăng trưởng trung bình của cả

nước. Đến năm 1997, khi tỉnh Bình Dương được tái lập, Đông Nam Bộ hình thành tứ giác tăng trưởng (thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu), làm tiền đề cho Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với mục tiêu trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển nhanh, có tốc độ phát triển kinh tế cao hơn so với các vùng khác trong nước, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, tạo động lực cho quá trình phát triển của Nam Bộ và góp phần thúc đẩy nền kinh tế cả nước.

Những năm đầu thế kỷ XXI, thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, các tỉnh Đông Nam Bộ tiếp tục khai thác tốt lợi thế so sánh của từng địa phương, phát huy tốt môi trường phát triển kinh tế ở các trung tâm đô thị lớn, tốc độ phát triển ngày càng mạnh. Tốc độ tăng trưởng GDP của vùng liên tục tăng nhanh từ khoảng 10% (năm 2000) đến 18% (năm 2003); bình quân tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm giai đoạn 2001 - 2003 của vùng đạt 12%, tăng gần 2% so với thời kỳ 1996 - 2000, bằng 1,7 lần so với bình quân chung cả nước. Tỷ trọng GDP của vùng ngày càng tăng và chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng GDP cả nước (năm 2000 đạt 149.356 tỷ đồng, chiếm 33,8% GDP cả nước, năm 2002 đạt 186.480 tỷ đồng, chiếm 34,8%, năm 2003 đạt 221.772 tỷ đồng, chiếm 35,2%).

Tháng 6/2003, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bổ sung thêm 3 tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Long An; tháng 9/2005 Tiền Giang cũng gia nhập vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; tạo thành vùng kinh tế liên kết bao gồm 6 tỉnh Đông Nam Bộ và 2 tỉnh Tây Nam Bộ. Như vậy, toàn bộ các tỉnh Đông Nam Bộ đều thuộc vùng kinh tế trọng điểm, đã tạo ra những lợi thế trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế;

1. Bình quân trong giai đoạn 1990 - 1995, tốc độ tăng GDP của các vùng được ước tính là: miền núi và trung du Bắc Bộ 6,9%, đồng bằng sông Hồng 7,6%, khu IV cũ 6,8%, duyên hải miền Trung 6,6%, Tây Nguyên 7%, đồng bằng sông Cửu Long 4,9%. Trần Hoàng Kim, *Tiềm năng kinh tế Đông nam Bộ*, NXB Thống kê, 1995.

Đông Nam Bộ trở thành vùng động lực tăng trưởng của Nam Bộ và cả nước. Các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu đã chuyển đổi căn bản từ xã hội nông nghiệp nông thôn sang xã hội công nghiệp và đô thị; kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Bình Dương cải cách cơ chế, xác lập mẫu hình mới về mối quan hệ chức năng Nhà nước – thị trường, áp dụng chính sách thu hút đầu tư phát triển một cách thông thoáng. Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu phát huy lợi thế đi trước các địa phương khác trong xây dựng các khu công nghiệp hiện đại. Tây Ninh, Bình Phước phát huy lợi thế so sánh trong phát triển cây công nghiệp (cao su, hồ tiêu và cà phê)...

*

Bảy mươi năm sau cách mạng tháng Tám (1945 – 2015), các tỉnh Đông Nam Bộ không ngừng tạo nên những phong trào cách mạng sôi động, làm cho vùng đất này đầy ắp các sự kiện lịch sử trọng đại về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, về công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế và công nghiệp hóa hiện đại hóa. Mở đầu là 30 năm kháng chiến (1945-1975), Đông Nam Bộ là nơi diễn ra những thử thách ác liệt nhất của chiến tranh, cũng chính là nơi ghi lại những dấu ấn sâu sắc không thể phai mờ về sự hy

sinh anh dũng, về lòng quả cảm, về khí thế quật khởi của quân và dân miền Đông Nam Bộ để làm nên danh hiệu miền Đông "gian lao mà anh dũng", bồi đắp thêm cho hào khí Đồng Nai sống mãi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tiếp đó là 40 năm cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và đổi mới (1975 – 2015), các tỉnh Đông Nam Bộ vượt qua nhiều khó khăn của đất nước thời hậu chiến để xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, biến "vành đai trắng" thành "vành đai xanh", đưa những vùng đất "chết" trong kháng chiến năm xưa thành vườn cây trái xanh tươi, trù phú, cải thiện đời sống nhân dân. Từ khi bước vào công cuộc đổi mới, các tỉnh Đông Nam Bộ luôn nỗ lực tìm tòi đột phá cơ chế, chuyển đổi từ cơ chế quản lý bao cấp sang cơ chế thị trường; từng bước đóng vai trò là động lực phát triển của vùng và của nền kinh tế đất nước. Tầm vóc và vị thế của vùng là kết quả của một quá trình phát triển lâu dài, với những nỗ lực to lớn và những thử nghiệm đổi mới táo bạo và quyết liệt. Đông Nam Bộ đã và đang trở thành một đầu tàu động lực, nơi thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực, nơi hứa hẹn thành công và chuyển biến mạnh mẽ trong nửa đầu thế kỷ XXI.

THE SOUTHEAST REGION – SEVENTY YEARS FROM AN 'ARDUOUS BUT BRAVE' REGION TO THE JOURNEY OF DYNAMIC GROWTH TO BE A KEY ECONOMIC REGION (1945 - 2015)

Nguyen Van Hiep

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

The August 1945 Revolution has changed the whole look of the Southeast region. Starting uprising to seize power in August 1945, the patriotic people under the leadership of the Communist Party, more precisely, the Party of the southeast provinces, have changed everything, from the political - social life to the economic-cultural life, from dependent slavery to owners, gradually building, developing, preserving, protecting and promoting

the revolutionary achievements on their homeland, from an 'arduous but brave' region in the war to be one of the motivation to develop the entire southern key economic region.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tập 1 (1930 - 1954)*, NXB Chính trị quốc gia, 2000.
- [2] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương, tập 1 (1930 - 1975)*, NXB Chính trị quốc gia, 2003.
- [3] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, tập 1 (1930 - 1954)*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 1997.
- [4] Ban Tổng kết chiến tranh Tây Ninh, *Lược sử Tây Ninh*, Tỉnh ủy Tây Ninh, 1986.
- [5] Đặng Phong, *"Phá rào" trong kinh tế vào đêm trước đổi mới*, NXB Tri thức.
- [6] Hà Minh Hồng, *Bình Dương trong kháng chiến chống Pháp xâm lược - Những sự kiện lịch sử quan trọng*, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 3/2012.
- [7] Hồ Sơn Đài (chủ biên), *Lịch sử Sài Gòn - Gia Định Chợ Lớn kháng chiến 1945 - 1975*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [8] Lâm Chung Hiếu (chủ biên), *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, 2003.
- [9] Tổng cục Thống kê, *Các vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Thống kê 1998.
- [10] Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 1986*, Tổng cục Thống kê, 1987.
- [11] Tổng Cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2014 (tóm tắt)*, NXB Thống kê 2014.
- [12] Trần Hoàng Kim, *Tiềm năng kinh tế Đông Nam Bộ*, NXB Thống kê, 1995.